TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2020/DS-ST
Ngày: 23-10-2020
V/v "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Lý Ngọc Trai;

2. Ông Nguyễn Văn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự tham gia phiên tòa: Bà Trương Ngọc Oanh- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2020/TLST-DS, ngày 16 tháng 7 năm 2020, về việc: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2020/QĐST-DS ngày 16/10/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thanh H, sinh năm 1983

Địa chỉ: số 176, tổ 7 ấp T, thị trấn V, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Huỳnh Thanh H là: bà Lý Lệ H, sinh năm 1960 (Giấy ủy quyền ngày 17/9/2020);

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã L, huyện T, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1961.

Địa chỉ: khóm 1, phường T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị T là: Chị Huỳnh Thị Thùy T, sinh năm 1973; Địa chỉ cư trú: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Diệp Xuân N, sinh năm 1984.

Địa chỉ cư trú: đường Lý T, khóm 1, phường T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà Lý Lệ H và chị Huỳnh Thị Thùy T có mặt tại phiên tòa, chị Diệp Xuân N có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Huỳnh Thanh H do bà Lý Lệ H làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 02/8/2019 âm lịch bà Huỳnh Thị T có đến nhà chị Huỳnh Thanh H hỏi vay số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 1%/tháng, có làm biên nhận, bà T hứa 02 tháng sẽ hoàn trả lại số tiền này, còn lãi trả hàng tháng. Tuy nhiên, đến hạn bà T cũng không trả số tiền vay gốc và số tiền lãi.

Nay chị Huỳnh Thanh H khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị T trả số tiền vay còn nợ tổng cộng là 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng), trong đó số tiền vay gốc là 250.000.000đ, số tiền lãi là 20.000.000đ (250.000.000đ x 1%/tháng/1.000.000đ x 8 tháng). Đối với số tiền 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) chị nộp cho chị H qua Ngân hàng Sacombank là số tiền chị N trả chị H do chị N mượn chị H 10.000.000đ (Mười triệu đồng) chứ không phải số tiền chị N nộp lãi cho bà T. Đến thời điểm này phía chị H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh số tiền 8.500.000đ chị Diệp Xuân N chuyển là số tiền mượn của chị H. Đối với yêu cầu khấu trừ lãi của phía bị đơn thì chị H không đồng ý. Nếu phía bà T đồng ý hòa giải thành thì phía chị H mới đồng ý bỏ số tiền lãi không yêu cầu, còn nếu để đưa vụ án ra xét xử thì phía chị H vẫn yêu cầu số tiền lãi. Tổng cộng gốc và lãi mà chị H yêu cầu tổng cộng là 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng). Ngoài ra bà H không yêu cầu bổ sung gì thêm cho đến khi kết thúc vụ kiện.

- Bị đơn bà Huỳnh Thị T do chị Huỳnh Thị Thùy T làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Huỳnh Thị T thừa nhận có đến nhà bà Huỳnh Thanh H hỏi vay số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), số tiền này vay 02 lần: lần 1 vay 200.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng/1.000.000đ; lần 2 vay 50.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng/1.000.000đ. Sau đó, ngày 02/8/2019 âm lịch bà Huỳnh Thị T có ký biên nhận còn nợ bà H số tiền tổng cộng là 250.000.000đ. Chị đại diện theo ủy quyền của bà T khẳng định chữ ký trong tờ

biên nhận ngày 02/8/2019 âm lịch là chữ ký của bà T. Bà T vẫn đóng lãi đầy đủ đến tháng 5 năm 2020 âm lịch. Sau đó, bà T thương lượng với chị H cho bà T trả ½ vốn gốc nhưng chị H không đồng ý nên chị H mới khởi kiện. Hiện tại bà T chỉ còn lưu giữ được giấy nộp tiền lãi qua Ngân hàng Sacombank do con bà T là Diệp Xuân N nộp vào ngày 04/10/2019. Với số tiền lãi là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng). Còn những lần khác thì đưa tiền mặt không có chứng cứ gì chứng minh.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thanh H yêu cầu bà Huỳnh Thị T trả số tiền vay gốc là 250.000.000đ, lãi 20.000.000đ. Tổng cộng là 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) thì bà T chỉ đồng ý trả số tiền vay còn nợ gốc tổng cộng là: 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) nhưng xin trả mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng), còn tiền lãi 20.000.000đ thì bà T yêu cầu điều chỉnh, khấu trừ lãi, bà T đồng ý trả lãi theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, bà T không yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì thêm cho đến khi kết thúc vụ án. Đối với số tiền 8.500.000đ mà N nộp là tiền của bà T đưa cho N nộp lãi cho chị H dùm bà T. Do đó, số tiền này là tiền của bà T, không liên quan chị N cũng không có việc chị N mượn tiền của chị H N bà H trình bày. Chị Thùy T khẳng định đến thời điểm này chị không còn chứng cứ gì chứng minh thêm số tiền lãi mà bà T đóng chị H đến tháng 5/2020 âm lịch.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Diệp Xuân N(Con bà T) vắng mặt nhưng căn cứ vào bản khai thể hiện ý kiến N sau:

Vào ngày 04/10/2019 dương lịch mẹ chị là bà Huỳnh Thị T có đưa cho chị số tiền 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) để đóng lãi cho chị HuỳnhThanh H đối với số tiền vay 250.000.000đ ngày 02/8/2019 âm lịch. Chị không liên quan gì đối với số tiền vay hay số tiền 8.500.000đ đóng lãi này. Đây là tiền của mẹ chị là bà T đưa để chị đi chuyển khoản cho chị H dùm mẹ chị. Chị khẳng định từ trước đến nay không nợ tiền gì của chị H như bà H là người đại diện ủy quyền của chị H trình bày chị nợ 10.000.000đ. Do đó, chị không yêu cầu gì trong vụ án này cho đến khi kết thúc vụ kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Huỳnh Thị T có trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ gốc 250.000.000đ và

tiền lãi còn phải đóng thêm sau khi cấn trừ 8.500.000đ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng*:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Diệp Xuân N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn xin vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị xét xử vắng mặt đương sự này. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự nêu trên.

- *Về nội dung vụ án Hội đồng xét xử xét thấy:*

[1] Biên nhận ngày 02/8/2019 âm lịch thể hiện bị đơn bà Huỳnh Thị T mượn của nguyên đơn Huỳnh Thanh H số tiền là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) có chữ ký và ghi họ tên của bà Huỳnh Thị T, bị đơn cũng thừa nhận có nợ nguyên đơn tổng số tiền gốc là 250.000.000đ và khẳng định chữ ký trong biên nhận đúng là của bị đơn nhưng Biên nhận này không ghi lãi suất vay là bao nhiêu và thời hạn trả. Trong quá trình giải quyết vụ án thì các bên đương sự đều thừa nhận là vay có lãi suất nhưng các bên không thống nhất mức lãi suất, các bên cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh lãi suất thỏa thuận là bao nhiêu. Nguyên đơn cho rằng mức lãi là 1% /tháng và bị đơn chưa đóng lãi cho nguyên đơn từ ngày 02/8/2019 âm lịch đến ngày khởi kiện 25/7/2020 dương lịch là 08 tháng với số tiền lãi là 20.000.000đ tính mức lãi suất 1%/tháng và yêu cầu bị đơn phải trả gốc và lãi cho nguyên đơn tổng số tiền là 270.000.000đ .

Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn chị Huỳnh Thanh H là có một phần căn cứ vì bị đơn bà Huỳnh Thị T không có lài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc bà đã đóng lãi đầy đủ cho chị Huỳnh Thanh H đến tháng 5/2020 âm lịch như bà trình bày. Đồng thời giữa chị Thanh H và bà Huỳnh Thị T trình bày cũng không thống nhất nhau về thời hạn trả vốn gốc: Chị Thanh H thì cho rằng có quy định

thời hạn trả là 02 tháng kể từ ngày làm biên nhận, bà Huỳnh Thị T không thừa nhận và tại Biên nhận nợ ngày 02/8/2019 âm lịch cũng không đề cập đến mức lãi suất thời hạn trả nợ gốc, nên không tính theo mức lãi suất quá hạn được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự để xem xét phần lãi suất. Tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 quy định:*"Trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ"*.

[2] Xét Giấy nộp tiền ngày 04/10/2019 dương lịch số tiền là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) tại Ngân hàng Sacombank nội dung thể hiện *"Diệp Xuân N nộp TM TK Huỳnh Thanh H" (không ghi cụ thể chuyển tiền gì).* Nguyên đơn cho rằng tiền này là do chị Diệp Xuân N (Con bị đơn) mượn riêng, không liên quan số tiền vay của bị đơn T và phía nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh là tiền cho chị N mượn như trình bày của nguyên đơn nên xác định không phải là số tiền lãi mà bà T đóng lãi cho chị H và cũng không phải là tiền cho chị N mượn. Do đó, số tiền 8.500.000đ này được khấu trừ vào phần nợ (gốc và lãi được điều chỉnh theo quy định của pháp luật) tại thời điểm chị N chuyển cho chị Thanh H.

Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Huỳnh Thị Thùy T đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị T thống nhất trả vốn gốc 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) còn tiền lãi 20.000.000đ thì chị đại diện cho bà T yêu cầu điều chỉnh, khấu trừ lãi, bà T đồng ý trả lãi theo quy định của pháp luật nhưng bà xin trả dần mỗi tháng 5.000.000đ đến khi xong nợ. Xét thấy yêu cầu của bị đơn là có một phần căn cứ đối với việc yêu cầu điều chỉnh lãi suất để khấu trừ vào số tiền vốn của bà T còn nợ chị H. Đối với việc bị đơn yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 5.000.000đ là không có căn cứ nên không chấp nhận.

- Từ đó Hội đồng xét xử tính lãi như sau:

+ Tiền gốc 250.000.000đ x 0.83%/tháng (1%/năm: 12 tháng là 0,83%) = 2.075.000đ/tháng.

+ Từ ngày vay 02/8/2019 âm lịch nhằm 31/8/2019 dương lịch đến ngày 04/10/2019 dương lịch (ngày bị đơn nộp 8.500.000đ vào tài khoản nguyên đơn) là 01 tháng 04 ngày thì tiền lãi là: 2.352.000đ (Từ ngày vay đến ngày 04/10/2019 dương lịch bị đơn còn nợ nguyên đơn gốc 250.000.000đ và lãi theo quy định là 2.352.000đ).

+ Ngày 04/10/2019 bị đơn đã trả 8.500.000đ (Như nộp qua Ngân hàng) – 2.352.000đ (lãi từ 31/8/2019 đến 04/10/219) = 6.148.000đ (số tiền còn thừa của bị đơn).

Tổng cộng bị đơn còn nợ nguyên đơn đến ngày 04/10/2019 là: 250.000.000đ (số tiền vay gốc) - 6.148.000đ (số tiền sau khi khấu trừ từ 8.500.000đ) = 243.852.000đ gốc x 0,83% = 2.024.000đ (lãi suất mỗi tháng) : 30 ngày = 67.500đ (một ngày).

+ Từ ngày 05/10/2019 đến ngày 16/7/2020 (ngày nộp đơn khởi kiện) là 08 tháng 11 ngày: Như vậy 08 tháng x 2.024.000đ = 16.192.000đ +742.000đ (11 ngày x 67.500đ) = 16.934.000đ

Như vậy gốc là 243.852.000đ và lãi đến ngày 16/7/2020 (ngày khởi kiện): 16.934.000đ. Tổng cộng gốc và lãi 260.786.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

[3] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Diệp Xuân N(Con bà T) là người nộp 8.500.000đ vào tài khoản của chị H nhưng cả chị N và người đại diện ủy quyền của bà T đều khẳng định số tiền này của bà T đưa cho chị N chuyển khoản cho chị H, không liên quan gì đến chị N và chị N không yêu cầu gì trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét đối với chị N.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Huỳnh Thị T có trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ gốc 250.000.000đ và tiền lãi còn phải đóng thêm sau khi cấn trừ 8.500.000đ theo quy định của pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

- Về án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn chị Huỳnh Thanh H.

Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị T trả cho nguyên đơn Huỳnh Thanh H tổng số tiền gốc và lãi là 260.786.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Bà Huỳnh Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 13.039.000đồng (Mười ba triệu không trăm ba mươi chín nghìn đồng).

- Chị Huỳnh Thanh H chịu án phí dân sự sơ thẩm là 460.000đ (Bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 6.750.000đ (Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai số 0001327 ngày 16/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự. Chị H được nhận lại 6.290.000đ(Sáu triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND thị xã Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung